ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1611 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 9 năm 2016*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 7274
Ngày: 06/9/16
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc UBND huyện Tây Trà

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập; Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Tây Trà tại Công văn số 1614/UBND-NC ngày 16/8/2016 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1437/SNV ngày 31/8/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với 404 viên chức là giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở thuộc UBND huyện Tây Trà *(có phương án cụ thể kèm theo).*

Điều 2. Căn cứ vào phương án đã được UBND tỉnh phê duyệt, Chủ tịch UBND huyện Tây Trà ban hành quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với từng viên chức là giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 3. Đối với những viên chức đã được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp tại Điều 1 nhưng còn thiếu tiêu chuẩn theo quy định thì cơ quan quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức bổ sung đủ chuẩn.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND huyện Tây Trà và viên chức có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CBTH;
- Lưu: VT, NC_{lmc833}.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG BỐ NHIỆM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ THUỘC UBND HUYỆN TÂY TRÀ

(Kèm theo Quyết định số 1611/QĐ-UBND, ngày 06 tháng 9 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
I	**CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON**																		
	Trường Mầm non 28/8																		
	Hạng II																		
1	Nguyễn Thị Mai Ly	15/07/1986	Phó HT	ĐHSP	B	A	15a.205	2/9	2,67			01/10/2013	GVMN hạng II	V.07.02.04	2/9	2,67			01/10/2013
	Hạng III																		
2	Bùi Thị Như Hường	11/01/1983	Phó HT	CĐSP	B	B	15a.206	3/10	2,72			01/09/2013	GVMN hạng III	V.07.02.05	3/10	2,72			01/09/2013
3	Nguyễn Thị Kim Trinh	22/11/1990	GV MN chính	CĐSP	B		15a.206	2/10	2,41			01/11/2015	GVMN hạng III	V.07.02.05	2/10	2,41			01/11/2015
4	Phan Thị Thanh Thủy	08/01/1989	GV MN chính	CĐSP	B	B	15a.206	1/10	2,1			01/07/2015	GVMN hạng III	V.07.02.05	1/10	2,1			01/07/2015
	Hạng IV																		
5	Lê Thị Sen	02/01/1982	Hiệu trưởng	THSP		B	15,115	6/12	2,86			01/12/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6/12	2,86			01/12/2014
6	Hồ Thị Nam	24/10/1979	GV mầm non	THSP	B	A	15,115	5/12	2,66			01/03/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5/12	2,66			01/03/2014
7	Diệp Thị Nhựt	18/5/1988	GV mầm non	THSP		A	15,115	3/12	2,26			01/04/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3/12	2,26			01/04/2015
8	Huỳnh Thị Thu Sâm	10/08/1988	GV mầm non	THSP		A	15,115	2/12	2,06			01/05/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2,06			01/05/2014
9	Lê Thị Hồng Vĩ	01/01/1989	GV mầm non	THSP	B	B	15,115	2/12	2,06			01/05/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2,06			01/05/2014
10	Nguyễn Thị Nhân	28/10/1991	GV mầm non	THSP		B	15,115	2/12	2,06			15/03/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2,06			15/03/2015
11	Nguyễn Thị Yến	05/10/1993	GV mầm non	THSP	B	B	15,115	1/12	1,86			01/01/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	1/12	1,86			01/01/2015
	Trường Mẫu giáo Trà Phong																		
	Hạng III																		
12	Đinh Thị Lê Hiền	17/7/1981	Hiệu trưởng	CĐSP	B	B	15a.206	4/10	3.03	0	0	01/03/2015	GVMN hạng III	V.07.02.05	4/10	3.03			01/03/2015
13	Ngô Thị Thanh Thủy	26/10/1990	GV MN chính	CĐSP	B	B	15a.206	2/10	2.41	0	0	01/11/2015	GVMN hạng III	V.07.02.05	2/10	2.41			01/11/2015
14	Nguyễn Thị Thu Thảo	28/10/1989	GV MN chính	CĐSP	B	B	15a.206	2/10	2.41	0	0	01/11/2015	GVMN hạng III	V.07.02.05	2/10	2.41			01/11/2015

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
	Hạng IV																		
15	Phạm Thị Lý	02/03/1986	Phó HT	THSP	B	B	15.115	4/12	2.46	0	0	01/02/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4/12	2.46			01/02/2014
16	Hồ Thị Kim Liên	18/3/1977	GV mầm non	THSP	B	B	15.115	6/12	2.86	0	0	01/01/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6/12	2.86			01/01/2014
17	Hồ Thị Nhung	24/4/1982	GV mầm non	THSP	B	B	15.115	6/12	2.86	0	0	01/01/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6/12	2.86			01/01/2014
18	Nguyễn Thị Tính	17/1/1979	GV mầm non	THSP	B	B	15.115	5/12	2.66	0	0	01/03/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5/12	2.66			01/03/2014
19	Đinh Thị Nhung	10/02/1983	GV mầm non	THSP	B	B	15.115	5/12	2.66	0	0	01/03/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5/12	2.66			01/03/2014
20	Nguyễn Thị Bích Hội	29/11/1980	GV mầm non	THSP	B	B	15.115	6/12	2,86	0	0	01/12/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6/12	2.86			01/12/2014
21	Tiêu Thị Cẩm Vân	04/02/1990	GV mầm non	THSP	B	B	15.115	3/12	2,66	0	0	01/04/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3/12	2.66			01/04/2015
22	Phạm Thị Hòa	12/10/1991	GV mầm non	THSP	B	B	15.115	2/12	2.06	0	0	01/05/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			01/05/2014
23	Hồ Thị Thủy	05/06/1992	GV mầm non	THSP	B	B	15.115	2/12	2.06	0	0	15/03/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			15/03/2015
24	Nguyễn Thị Yến Kiều	16/4/1991	GV mầm non	THSP	B	B	15.115	1/12	1,86	0	0	01/07/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	1/12	1.86			01/07/2014
25	Võ Thị Hà Nhi	05/10/1993	GV mầm non	THSP	A	B	15.115	1/12	1,86	0	0	01/01/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	1/12	1.86			01/01/2015
	Trường Mẫu giáo Trà Xinh																		
	Hạng III																		
26	Trần Thị Minh Hiền	01/01/1982	Hiệu trưởng	CĐSP		A	15a.206	4/10	3.03	0	0	01/03/2015	GVMN hạng III	V.07.02.05	4/10	3.03			01/03/2015
27	Nguyễn Thị Nhung	01/01/1991	GVMN chính	CĐSP	B	B	15a.206	1/10	2.1	0	0	01/07/2014	GVMN hạng III	V.07.02.05	1/10	2.1			01/07/2014
28	Châu Thị Phương Thảo	05/05/1990	GVMN chính	CĐSP			15a.206	1/10	2.1	0	0	01/07/2014	GVMN hạng III	V.07.02.05	1/10	2.1			01/07/2014
	Hạng IV																		
29	Huỳnh Thị Mơ Linh	19/2/1988	P.Hiệu trưởng	THSP	B		15,115	3/12	2.26	0	0	01/04/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3/12	2.26			01/04/2015
30	Lê Thị Thanh Xuân	01/09/1989	GV mầm non	THSP			15,115	2/12	2.06	0	0	01/05/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			01/05/2014
31	Nguyễn Thị Thu Thủy	11/10/1988	GV mầm non	THSP			15,115	2/12	2.06	0	0	01/11/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			01/11/2014
32	Nguyễn Thị Cẩm Dịp	13/10/1992	GV mầm non	THSP			15,115	1/12	1.86	0	0	01/01/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	1/12	1.86			01/01/2015
	Trường Mẫu giáo Trà Thọ																		
	Hạng IV																		
33	Phạm Thị Hồng	05/12/1986	Hiệu trưởng	THSP	B	A	15,115	4/12	2.46	0	0	05/11/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4/12	2.46			05/11/2014
34	Trịnh Thị Kiều	09/10/1988	P.Hiệu trưởng	THSP	B	B	15,115	4/12	2.46	0	0	01/05/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4/12	2.46			01/05/2015
35	Hồ Thị Lệ Thủy	11/09/1982	GV mầm non	TCCN			15.115	6/12	2,86			01/06/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6/12	2,86			01/06/2015
36	Hồ Thị Phượng	27/06/1985	GV mầm non	THSP		B	15,115	5/12	2.66	0	0	01/03/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5/12	2.66			01/03/2014

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
37	Nguyễn Thị Nhiên	10/08/1984	GV mầm non	THSP	B	B	15,115	4/12	2.46	0	0	05/11/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4/12	2.46			05/11/2014
38	Võ Thị Diễn	12/07/1988	GV mầm non	THSP		B	15,115	3/12	2.26	0	0	01/04/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3/12	2.26			01/04/2015
39	Nguyễn Thị Tường Vy	08/03/1991	GV mầm non	THSP			15,115	2/12	2.06	0	0	01/08/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			01/08/2014
40	Nguyễn Thị Hiền	08/03/1991	GV mầm non	THSP	B	A	15,115	2/12	2.06	0	0	10/11/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			10/11/2014
41	Nguyễn Thị Bé Hòa	24/04/1991	GV mầm non	THSP		B	15,115	2/12	2.06	0	0	10/11/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			10/11/2014
42	Hồ Thị Hà	15/10/1989	GV mầm non	THSP			15,115	2/12	2.06	0	0	01/04/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			01/04/2015
43	Hồ Thị Thúy	06/09/1991	GV mầm non	THSP	B	B	15,115	1/12	1.86	0	0	01/01/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	1/12	1.86			01/01/2015
	Trường Mẫu giáo Trà Trung																		
	Hạng III																		
44	Nguyễn Thị Thùy	21/09/1991	GVMN chính	CĐ	B	B	15a.206	1/10	2,10			01/07/2015	GVMN hạng III	V.07.02.05	1/10	2,10			01/07/2015
45	Võ Thị Hoa	26/09/1986	GVMN chính	CĐ	B	B	15a.206	2/10	2,41			01/04/2014	GVMN hạng III	V.07.02.05	2/10	2,41			01/04/2014
	Hạng IV																		
46	Lương Thị Thanh Tuyền	03/02/1982	Phó HT	THSP	B	B	15.115	6/12	2.86	0	0	01/12/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6/12	2.86			01/12/2014
47	Hồ Thị Hiền	13/08/1981	GV mầm non	TCCN			15.115	5/12	2,66			01/03/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5/12	2,66			01/03/2014
48	Hồ Thị Lan	10/10/1984	GV mầm non	TCCN			15.115	5/12	2,66			01/03/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5/12	2,66			01/03/2014
49	Lâm Thị Bích Tánh	24/05/1992	GV mầm non	TCCN			15.115	2/12	2,06			15/03/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2,06			15/03/2015
50	Hồ Thị Đoan	16/07/1987	GV mầm non	TCCN			15.115	2/12	2.06			15/03/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			15/03/2015
	Trường Mẫu giáo Trà Nham																		
	Hạng III																		
51	Nguyễn Thị Lai	20/04/1991	GV mầm non	CĐ	B	B	15a.206	1/10	2.1			01/07/2015	GVMN hạng III	V.07.02.05	1/10	2.1			01/07/2015
	Hạng IV																		
52	Hồ Thị Hà	21/12/1979	Hiệu trưởng	TCCN			15,115	5/12	2.66			01/03/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5/12	2.66			01/03/2014
53	Huỳnh Thị Bích Hạnh	06/05/1985	Phó HT	TCCN	B	B	15,115	4/12	2.46			05/11/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4/12	2.46			05/11/2014
54	Hồ Thị Hương	18/01/1979	GV mầm non	TCCN		B	15,115	5/12	2.66			01/03/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5/12	2.66			01/03/2014
55	Nguyễn Thị Kiều Oanh	04/06/1988	GV mầm non	TCCN		A	15,115	4/12	2.46			01/07/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4/12	2.46			01/07/2015
56	Nguyễn Thị Lệ Chi	20/10/1990	GV mầm non	TCCN		B	15,115	3/12	2.26			01/04/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3/12	2.26			01/04/2015
57	Nguyễn Thị Hiệp	21/11/1992	GV mầm non	TCCN	B	B	15,115	1/12	1.86			01/01/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	1/12	1.86			01/01/2015
58	Lê Thị Thanh Tuyền	17/04/1992	GV mầm non	TCCN	B	B	15,115	1/12	1.86			01/01/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	1/12	1.86			01/01/2015

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
	Trường Mẫu giáo Trà Lãnh																		
	Hạng III																		
59	Trương Thị Thảo	15/3/1986	Phó HT	CĐ			15a.206	2/10	2.41			01/04/2014	GVMN hạng III	V.07.02.05	2/10	2.41			01/04/2014
	Hạng IV																		
60	Nguyễn Thị Thu Kiều	26/2/1982	Hiệu trưởng	TCSP		B	15,115	6/12	2.86			01/06/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	6/12	2.86			01/06/2014
61	Huỳnh Thị Tân	12/11/1991	GV mầm non	TCSP			15,115	2/12	2.06			01/11/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			01/11/2014
62	Lê Thị Quýt	26/2/1988	GV mầm non	TCSP			15,115	3/12	2.26			01/04/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3/12	2.26			01/04/2015
63	Lê Thị Hiền Mơ	06/05/1988	GV mầm non	TCSP			15,115	3/12	2.26			01/06/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3/12	2.26			01/06/2015
64	Hồ Thị Xíu	07/12/1992	GV mầm non	TCSP		B	15,115	2/12	2.06			15/03/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			15/03/2015
65	Hồ Thị Quân	15/04/1985	GV mầm non	TCSP	A	A	15,115	2/12	2.06			15/03/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			15/03/2015
66	Phạm Thị Ngọc	20/9/1988	GV mầm non	TCSP	A	A	15,115	3/12	2.26			01/10/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3/12	2.26			01/10/2014
67	Đỗ Thị Phương Sâm	20/8/1987	GV mầm non	TCSP	A	A	15,115	2/12	2.06			15/07/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			15/07/2015
	Trường Mẫu giáo Trà Thanh																		
	Hạng II																		
68	Nguyễn Thị Ái Thảo	19/01/1975	Hiệu trưởng	ĐHSP		A	15a.205	5/9	3.66			01/01/2015	GVMN hạng II	V.07.02.04	5/9	3.66			01/01/2015
	Hạng III																		
69	Đỗ Thị Kim Cúc	29/7/1992	GVMN chính	CĐSP	B	B	15a.206	1/10	2.1			01/07/2015	GVMN hạng III	V.07.02.05	1/10	2.1			01/07/2015
70	Lê Thị Hà My	01/4/1992	GVMN chính	CĐSP		B	15a.206	1/10	2.1			01/07/2015	GVMN hạng III	V.07.02.05	1/10	2.1			01/07/2015
	Hạng IV																		
71	Trịnh Thị Trâm	30/6/1987	Phó HT	TCSP			15,115	4/12	2.46			05/11/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4/12	2.46			05/11/2014
72	Nguyễn Thị Thanh Xuân	05/4/1981	GV mầm non	TCSP			15,115	5/12	2.66			01/03/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5/12	2.66			01/03/2014
73	Hồ Thị Ly	05/10/1990	GV mầm non	TCSP	A		15,115	1/12	1.86			01/01/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	1/12	1.86			01/01/2015
74	Đỗ Thị Như Tình	02/5/1982	GV mầm non	TCSP			15,115	4/12	2.46			01/06/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4/12	2.46			01/06/2014
75	Nguyễn Thị Thảo	26/9/1988	GV mầm non	TCSP	B		15,115	2/12	2.06			01/11/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			01/11/2014
76	Lê Thị Dung	10/02/1991	GV mầm non	TCSP	A	B	15,115	2/12	2.06			15/03/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			15/03/2015
	Trường Mẫu giáo Trà Quân																		
	Hạng II																		
77	Võ Thị Kim Quyên	01/02/1979	Hiệu trưởng	ĐH	B	A	15a.205	4/9	3.33			01/10/2013	GVMN hạng II	V.07.02.04	4/9	3.33			01/10/2013

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
	Hạng IV																		
78	Phạm Thị Kim Lý	10/08/1986	Phó HT	TCCN	B	A	15,115	4/12	2.46			05/11/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4/12	2.46			05/11/2014
79	Đòa Thị Tiến	26/08/1986	GV mầm non	TCCN	B		15,115	3/12	2.26			01/10/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3/12	2.26			01/10/2014
80	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	04/04/1989	GV mầm non	TCCN			15,115	3/12	2.26			01/04/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3/12	2.26			01/04/2015
81	Hồ Thị Lệ	17/04/1991	GV mầm non	TCCN	A	B	15,115	1/12	1.86			01/01/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	1/12	1.86			01/01/2015
82	Võ Thị Trà My	13/02/1990	GV mầm non	TCCN	B	B	15,115	1/12	1.86			01/01/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	1/12	1.86			01/01/2015
83	Hồ Thị Phượng	02/01/1990	GV mầm non	TCCN			15,115	2/12	2.06			15/03/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			15/03/2015
84	Phạm Thị Thúy	29/11/1989	GV mầm non	TCCN	B	B	15,115	3/12	2.26			01/04/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3/12	2.26			01/04/2015
85	Hồ Thị Vân	16/11/1989	GV mầm non	TCCN			15,115	2/12	2.06			01/11/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			01/11/2015
86	Hồ Thị Nhắc	30/09/1991	GV mầm non	TCCN			15,115	2/12	2.06			15/03/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			15/03/2015
87	Hồ Thị Hiền	05/08/1993	GV mầm non	TCCN			15,115	5/12	2.66			01/03/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5/12	2.66			01/03/2015
88	Lê Thị Mến	01/11/1990	GV mầm non	TCCN			15,115	2/12	2.06			01/11/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			01/11/2014
	Trường Mẫu giáo Trà Khê																		
	Hạng III																		
89	Trần Thị Hoanh	10/10/1989	GVMN chính	CĐSP			15a.206	2/10	2.41			01/12/2014	GVMN hạng III	V.07.02.05	2/10	2.41			01/12/2014
90	Đoàn Trần Yến Khương	01/06/1990	GVMN chính	CĐSP	B		15a.206	1/10	2.1			01/07/2015	GVMN hạng III	V.07.02.05	1/10	2.1			01/07/2015
	Hạng IV																		00/01/1900
91	Nguyễn Thị Huyền Trang	05/09/1980	Hiệu trưởng	TCCN	B	A	15,115	5/12	2.66			01/09/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5/12	2.66			01/09/2014
92	Hồ Thị Kiều	20/09/1980	Phó HT	TCCN			15,115	3/12	2.26			01/04/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	3/12	2.26			01/04/2015
93	Trần Thị Xuân Tín	02/02/1986	GV mầm non	TCCN			15,115	4/12	2.46			01/07/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	4/12	2.46			01/07/2015
94	Phạm Thị Mỹ Phượng	01/07/1987	GV mầm non	TCCN		B	15,115	2/12	2.06			01/11/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			01/11/2014
95	Nguyễn Thị Đông	30/08/1991	GV mầm non	TCCN			15,115	2/12	2.06			01/11/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			01/11/2014
96	Nguyễn Thị Kim Liên	10/10/1993	GV mầm non	TCCN	B	B	15,115	2/12	2.06			01/01/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	2/12	2.06			01/01/2015
97	Ngô Thị Kim Đính	04/09/1983	GV mầm non	TCCN			15,115	1/12	1.86			15/03/2015	GVMN hạng IV	V.07.02.06	1/12	1.86			15/03/2015
	Phòng Giáo dục và Đào tạo																		
	GV MN hạng IV																		
98	Trần Thị Diễm Lệ	14/06/1978	GV mầm non	THCN	B	B	15,115	5/12	2.66			01/04/2014	GVMN hạng IV	V.07.02.06	5/12	2.66			01/04/2014
II	**CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TIỂU HỌC**																		

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
	Trường TH Trà Phong																		
	Hạng II																		
1	Nguyễn Trí Dũng	23/09/1969	Hiệu trưởng	ĐHSP		A	15a.203	7/9	4.32			01/01/2014	GVTH hạng II	V.07.03.07	7/9	4.32			01/01/2014
2	Trương Thị Kiều Diễm	07/04/1983	GVTH cao cấp	ĐHSP	B	A	15a.203	2/9	2.67			01/01/2013	GVTH hạng II	V.07.03.07	2/9	2.67			01/01/2013
3	Phạm Thị Quỳnh Trang	10/07/1987	GVTH cao cấp	ĐHSP			15a.203	1/9	2.34			01/10/2013	GVTH hạng II	V.07.03.07	1/9	2.34			01/10/2013
4	Nguyễn Văn Thành	15/10/1970	GVTH cao cấp	ĐHSP			15a.203	6/9	3.99			01/10/2014	GVTH hạng II	V.07.03.07	6/9	3.99			01/10/2014
5	Hồ Thị Quỳnh	20/10/1986	GVTH cao cấp	ĐHSP	C	B	15a.203	2/9	2.67			01/11/2015	GVTH hạng II	V.07.03.07	2/9	2.67			01/11/2015
6	Huỳnh Thị Quyên	09/10/1991	GVTH cao cấp	ĐHSP	B	ĐH	15a.203	1/9	2.34			01/07/2015	GVTH hạng II	V.07.03.07	1/9	2.34			01/07/2015
7	Đỗ Đình Long	04/04/1969	GVTH cao cấp	ĐHSP			15a.203	5/9	3.66			01/07/2014	GVTH hạng II	V.07.03.07	5/9	3.66			01/07/2014
	Hạng III																		
8	Nguyễn Thị Ngọc Linh	16/04/1987	Phó HT	CĐSP	B	VP	15a.204	2/10	2.41			01/11/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	2/10	2.41			01/11/2013
9	Lâm Thanh Toàn	08/09/1975	GVTH chính	CĐSP		A	15a.204	4/10	3.03			01/06/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3.03			01/06/2014
10	Nguyễn Thị Nhạn	05/12/1991	GVTH chính	CĐSP	B	B	15a.204	1/10	2.1			01/10/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2.1			01/10/2013
11	Lê Thị Hạnh	22/04/1990	GVTH chính	CĐSP			15a.204	2/10	2.41			01/11/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	2/10	2.41			01/11/2015
12	Nguyễn Thị Xuân	15/06/1989	GVTH chính	CĐSP	B	A	15a.204	2/10	2.41			01/10/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	2/10	2.41			01/10/2014
13	Bùi Thị Mỹ Dung	08/06/1990	GVTH chính	CĐSP	B	A	15a.204	2/10	2.41			01/11/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	2/10	2.41			01/11/2015
14	Lê Thị Kim Ánh	20/08/1990	GVTH chính	CĐSP			15a.204	2/10	2.41			01/11/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	2/10	2.41			01/11/2015
15	Đỗ Thị Xuân Lý	01/10/1977	GVTH chính	CĐSP	B	A	15a.204	4/10	3.03			01/02/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3.03			01/02/2014
16	Phạm Thị Thủy	07/07/1985	GVTH chính	CĐSP	A	A	15a.204	1/10	2.1			01/02/2016	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2.1			01/02/2016
17	Nguyễn Văn Tân	24/02/1981	GVTH chính	CĐSP	C	B	15a.204	2/10	2.41			01/04/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	2/10	2.41			01/04/2014
18	Đồng Thị Ánh Dương	10/08/1984	GVTH chính	CĐSP	B	B	15a.204	3/10	2.72			01/11/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	3/10	2.72			01/11/2014
.	**Hạng IV**																		
19	Trần Thị Thu	02/02/1982	Phó HT	TCCN	B	A	15,114	4/12	2.46			05/11/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	4/12	2.46			05/11/2014
20	Đỗ Thị Mỹ Ngân	01/09/1992	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	2/12	2.06			15/03/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2.06			15/03/2015
21	Hồ Thị Trang	02/07/1973	GV tiểu học	TCCN			15,114	10/12	3.66			01/11/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	10/12	3.66			01/11/2014
22	Hồ Văn Sáu	10/08/1991	GV tiểu học	TCCN			15,114	1/12	1.86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1.86			01/01/2015
23	Đỗ Thị Bích Ngà	17/07/1993	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	1/12	1.86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1.86			01/01/2015
24	Trần Thị Mỹ Hạnh	26/10/1990	GV tiểu học	TCCN	A	A	15,114	3/12	2.26			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2.26			01/04/2015

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
25	Đinh Thị Hằng Nga	04/06/1985	GV tiểu học	TCCN			15,114	4/12	2.46			01/06/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	4/12	2.46			01/06/2014
	Trường TH Trà Xinh																		
	Hạng III																		
26	Nguyễn Thị Kim Ảnh	21/11/1976	Hiệu trưởng	CĐSP	A		15a.204	5/10	3,43			01/01/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	5/10	3,43			01/01/2013
27	Nguyễn Thị Kim Anh	15/5/1970	Phó HT	CĐSP		B	15a.204	4/10	3,03			01/02/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3,03			01/02/2014
28	Lê Văn Hoàng	07/12/1977	GVTH chính	CĐSP			15a.204	5/10	3,43			01/01/2004	GVTH hạng III	V.07.03.08	5/10	3,43			01/01/2004
29	Trịnh Tấn Hòa	14/11/1973	GVTH chính	CĐSP		A	15a.204	4/10	3,03			01/02/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3,03			01/02/2014
30	Huỳnh Thị Hải Vân	07/04/1973	GVTH chính	CĐSP		A	15a.204	4/10	3,03			01/02/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3,03			01/02/2014
31	Nguyễn Đặng Thy Vũ	16/5/1982	GVTH chính	CĐSP	B	B	15a.204	3/10	2,72			01/01/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	3/10	2,72			01/01/2015
32	Nguyễn Văn Bình	10/01/1983	GVTH chính	CĐSP	B	B	15a.204	2/10	2,41			01/12/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	2/10	2,41			01/12/2014
33	Cao Thị Ánh Nguyệt	24/11/1990	GVTH chính	CĐSP	B		15a.204	1/10	2,10			15/09/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2,10			15/09/2013
34	Phạm Thị Tính	10/12/1990	GVTH chính	CĐSP	B	B	15a.204	1/10	2,10			01/07/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2,10			01/07/2015
35	Nguyễn Thị Kiều	06/07/1992	GVTH chính	CĐSP	CĐ	B	15a.204	1/10	2,10			01/07/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2,10			01/07/2015
	Hạng IV																		
36	Lê Thành	05/05/1990	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	3/12	2,06			01/05/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2.06			01/05/2014
37	Hồ Thị Hiệp	27/01/1990	GV tiểu học	TCCN		B	15,114	3/12	2,26			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2,26			01/04/2015
38	Đinh Quang Viết	10/10/1967	GV tiểu học	TCCN			15,114	9/12	3,46			01/10/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	9/12	3,46			01/10/2014
39	Ngô Hoàng Sang	13/6/1987	GV tiểu học	TCCN			15,114	3/12	2,26			01/07/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2,26			01/07/2015
40	Phạm Thị Nga	20/10/1989	GV tiểu học	TCCN			15,114	3/12	2,26			01/06/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2.26			01/06/2015
41	Nguyễn Thị Tuyết	20/8/1990	GV tiểu học	TCCN		B	15,114	3/12	2,26			01/06/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2,26			01/06/2015
42	Nguyễn Thị Bích Liên	24/9/1990	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	2/12	2,06			15/03/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			15/03/2015
43	Phạm Văn Bi	03/10/1985	GV tiểu học	TCCN			15,114	2/12	2,06			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			01/04/2015
44	Phạm Thị Hẹo	07/04/1988	GV tiểu học	TCCN			15,114	2/12	2,06			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			01/04/2015
45	Huỳnh Thị Na	20/10/1992	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	1/12	1,86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1,86			01/01/2015
46	Trần Thị Diễm Kiều	16/8/1993	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	1/12	1,86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1,86			01/01/2015
	Trường TH Trà Thọ																		
	Hạng II																		
47	Huỳnh Thanh Danh	10/10/1971	Hiệu trưởng	ĐHSP		A	15a.203	6/9	3,99			01/01/2013	GVTH hạng II	V.07.03.07	6/9	3,99			01/01/2013

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
48	Trần Trung Việt	24/11/1978	Phó HT	ĐHSP		A	15a.203	3/9	3,00			01/01/2013	GVTH hạng II	V.07.03.07	3/9	3,00			01/01/2013
	Hạng III																		
49	Võ Duy Hải	04/04/1974	GVTH chính	CĐSP		A	15a.204	4/10	3,03			01/08/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3,03			01/08/2013
50	Trần Xuân Huy	08/08/1984	GVTH chính	CĐSP		THVP	15a.204	2/10	2,41			01/05/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	2/10	2,41			01/05/2014
51	Trần Thị Bích Đào	01/12/1988	GVTH chính	CĐSP		THVP	15a.204	2/10	2,41			01/10/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	2/10	2,41			01/10/2014
52	Phạm Thị Thu Ly	20/09/1990	GVTH chính	CĐSP	B	A	15a.204	1/10	2,10			15/09/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2,10			15/09/2013
53	Nguyễn Thị Mỹ Lài	26/12/1991	GVTH chính	CĐSP	B	B	15a.204	1/10	2,10			01/07/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2,10			01/07/2015
54	Đinh Thị Bi	29/01/1992	GVTH chính	CĐSP	B	B	15a.204	1/10	2,10			01/07/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2,10			01/07/2015
	Hạng IV																		
55	Hồ Thị Trinh	10/02/1989	GV tiểu học	TCCN	A	THVP	15,114	3/12	2,26			01/10/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2,26			01/10/2014
56	Nguyễn Thanh Lâm	26/02/1989	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	1/12	1,86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1,86			01/01/2015
57	Trang Thị Mỹ Nga	24/04/1990	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	3/12	2,26			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2,26			01/04/2015
58	Huỳnh Thị Thu Trang	20/02/1988	GV tiểu học	TCCN			15,114	3/12	2,26			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2,26			01/04/2015
59	Hồ Thị Sương Mai	05/06/1989	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	3/12	2,26			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2,26			01/04/2015
60	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	23/05/1990	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	3/12	2,26			01/06/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2,26			01/06/2015
61	Nguyễn Thị Đạc	22/11/1991	GV tiểu học	TCCN	B	A	15,114	2/12	2,06			01/05/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			01/05/2014
62	Phạm Thị Thanh	19/03/1991	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	2/12	2,06			01/05/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			01/05/2014
63	Hồ Thị Út	05/05/1990	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	2/12	2.06			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2.06			01/04/2015
64	Hồ Văn Thảo	01/05/1991	GV tiểu học	TCCN		B	15,114	2/12	2.06			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2.06			01/04/2015
65	Hồ Thị Lưu	07/09/1992	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	1/12	1,86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1,86			01/01/2015
66	Hồ Thị Luyện	07/03/1993	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	1/12	1,86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1,86			01/01/2015
67	Hồ Thị Mỵ	24/02/1993	GV tiểu học	TCCN	A	B	15,114	1/12	1,86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1,86			01/01/2015
	Trường TH Trà Nham																		
	Hạng III																		
68	Ngô Thị Hoa	06/05/1975	Hiệu trưởng	CĐSP	B	A	15a.204	4/10	3,03			01/08/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3,03			01/08/2013
69	Lê Thanh Hùng	13/09/1975	GVTH chính	CĐSP			15a.204	4/10	3,03			01/02/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3,03			01/02/2014
70	Hồ Xuân Biên	25/12/1977	GVTH chính	CĐSP		A	15a.204	4/10	3,03			01/01/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3,03			01/01/2013
71	Hồ Thị Ngọc Hạnh	07/10/1988	GVTH chính	CĐSP	B	A	15a.204	2/10	2,41			01/11/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	2/10	2,41			01/11/2013

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
72	Lê Văn Nghĩa	24/11/1985	GVTH chính	CĐSP		VP	15a.204	2/10	2,41			01/04/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	2/10	2,41			01/04/2014
73	Phạm Thị Tâm	22/09/1988	GVTH chính	CĐSP		A	15a.204	2/10	2,41			01/10/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	2/10	2,41			01/10/2014
74	Mai Văn Phát	19/09/1991	GVTH chính	CĐSP	B	B	15a.204	1/10	2,10			15/09/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2,10			15/09/2013
75	Nguyễn Thị Kim Tuyên	12/09/1991	GVTH chính	CĐSP	B		15a.204	1/10	2,10			15/09/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2,10			15/09/2013
	Hạng IV																		
76	Phạm Hữu Trạng	29/08/1986	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	3/12	2,26			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2,26			01/04/2015
77	Dương Thị Quỳnh Diễm	17/04/1990	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	2/12	2,06			01/05/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			01/05/2015
78	Hồ Thị Thúy	11/02/1991	GV tiểu học	TCCN		B	15,114	2/12	2,06			01/05/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			01/05/2015
79	Dương Thị Phát	16/06/1991	GV tiểu học	TCCN	B	VP	15,114	2/12	2,06			15/03/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			15/03/2015
80	Nguyễn Thị Kim Thùy	18/06/1992	GV tiểu học	TCCN	A	B	15,114	1/12	1,86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1,86			01/01/2015
81	Huỳnh Thị Huy	27/10/1991	GV tiểu học	TCCN		B	15,114	2/12	2,06			15/03/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			15/03/2015
	Trường TH Trà Thanh																		
	Hạng II																		
82	Huỳnh Phi Thu	12/04/1966	Phó HT	ĐHSP			15a.203	6/9	3,99			01/01/2013	GVTH hạng II	V.07.03.07	6/9	3,99			01/01/2013
83	Lâm Thị Thúy Hiền	16/07/1983	GVTH cao cấp	ĐHSP			15a.203	2/9	2,67			12/01/2014	GVTH hạng II	V.07.03.07	2/9	2,67			12/01/2014
	Hạng III																		
84	Trần Minh Tịnh	26/10/1978	GVTH chính	CĐSP			15a.204	4/10	3,03			01/01/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3,03			01/01/2013
85	Nguyễn Thị Kim Liên	19/05/1966	GVTH chính	CĐSP	B	A	15a.204	9/10	4,58			02/01/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	9/10	4,58			07/01/2015
86	Trần Thị Sâm	12/12/1978	GVTH chính	CĐSP	B	A	15a.204	4/10	3,03			01/01/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3,03			01/10/2014
87	Trần Quang Việt	15/02/1965	GVTH chính	CĐSP			15a.204	4/10	3,03			02/01/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3,03			01/02/2014
88	Đỗ Thanh Hào	06/06/1983	GVTH chính	Đ học	B		15a.204	2/10	2,41			04/01/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	2/10	2,41			04/01/2014
89	Nguyễn Thị Đông	15/10/1991	GVTH chính	CĐSP	B	A	15a.204	1/10	2,10			07/01/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2,10			07/01/2015
90	Phan Thị Kiều Oanh	29/09/1992	GVTH chính	CĐSP	B	B	15a.204	1/10	2,10			07/01/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2,10			07/01/2015
91	Huỳnh Ngọc Sĩ	09/04/1992	GVTH chính	CĐSP	B		15a.204	1/10	2,10			07/01/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2,10			07/01/2015
	Hạng IV																		
92	Nguyễn Thái Dũng	14/02/1961	Hiệu trưởng	TCCN		A	15,114	12/12	4,06	8		01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	12/12	4,06	8		01/01/2015
93	Hồ Thanh Chi	10/08/1966	GV tiểu học	TCCN			15,114	10/12	3,66			07/01/2012	GVTH hạng IV	V.07.03.09	10/12	3,66			07/01/2012
94	Lê Thị Lý	19/08/1965	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	10/12	3,66			10/01/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	10/12	3,66			01/10/2014

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
95	Nguyễn Văn Thân	14/06/1958	GV tiểu học	TCCN			15,114	9/12	3,46			11/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	9/12	3,46			01/11/2015
96	Đặng Phước Lâm	10/10/1974	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	9/12	3,46			09/01/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	9/12	3,46			01/09/2014
97	Hồ Xuân Ninh	10/06/1964	GV tiểu học	TCCN			15,114	7/12	3,06			06/01/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	7/12	3,06			01/06/2014
98	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	26/06/1979	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	6/12	2,86			01/01/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	6/12	2,86			01/01/2014
99	Lê Thị Thuận	16/04/1990	GV tiểu học	TCCN	B		15,114	3/12	2,26			04/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2,26			01/04/2015
100	Nguyễn Thị Bích Vân	23/12/1989	GV tiểu học	TCCN			15,114	3/12	2,26			04/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2,26			01/04/2015
101	Nguyễn Thị Minh Hà	07/10/1991	GV tiểu học	TCCN			15,114	2/12	2,06			15/03/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			15/03/2015
102	Huỳnh Thị Vĩ	03/01/1991	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	2/12	2,06			15/03/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			15/03/2015
103	Đỗ Ngọc Thùy	02/04/1969	GV tiểu học	TCCN			15,114	6/12	2,86			01/01/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	6/12	2,86			01/01/2014
	Trường TH Trà Quân																		
	Hạng II																		
104	Trần Văn Đến	04/10/1981	Phó HT	ĐHSP		B	15a.203	3/9	3.00			01/11/2013	GVTH hạng II	V.07.03.07	3/9	3.00			01/11/2013
105	Phạm Việt Bảo	03/12/1974	GVTH cao cấp	ĐHSP		A	15a.203	3/9	3.00			01/01/2013	GVTH hạng II	V.07.03.07	3/9	3.00			01/01/2013
	Hạng III																		
106	Trần Ngọc Thái	13/10/1972	Hiệu trưởng	CĐSP		A	15a.204	4/10	3.03			01/10/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3.03			01/10/2014
107	Hồ Văn Non	18/10/1965	GVTH chính	CĐSP			15a.204	6/10	3.65			01/06/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	6/10	3.65			01/06/2015
108	Võ Thị Thúy Liễu	15/07/1991	GVTH chính	CĐSP	B	B	15a.204	1/10	2.10			01/10/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2.10			01/10/2013
109	Lê Minh Một	20/03/1984	GV THCS	CĐSP			15a.202	3/10	2.72			05/05/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	3/10	2.72			05/05/2015
	Hạng IV																		
110	Nguyễn Hữu Danh	22/02/1965	GV tiểu học	TCCN		A	15,114	12/12	4.06	9		01/10/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	12/12	4.06	9		01/10/2015
111	Nguyễn Thành Văn	09/06/1967	GV tiểu học	TCCN			15,114	12/12	4.06	7		01/10/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	12/12	4.06	7		01/10/2015
112	Trần Quang Vân	23/11/1979	GV tiểu học	TCCN			15,114	6/12	2.86			01/11/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	6/12	2.86			01/11/2014
113	Đoàn Thị Nguyệt	20/08/1988	GV tiểu học	TCCN		A	15,114	3/12	2.26			01/10/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2.26			01/10/2014
114	Nguyễn Thị Thi	08/02/1984	GV tiểu học	TCCN		B	15,114	3/12	2.26			01/10/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2.26			01/10/2014
115	Nguyễn Thị Trâm	02/02/1990	GV tiểu học	TCCN			15,114	3/12	2.26			01/06/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2.26			01/06/2015
116	Hồ Văn Đức	10/02/1990	GV tiểu học	TCCN			15,114	2/12	2.06			15/03/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2.06			15/03/2015
117	Dương Thị Dư	12/06/1991	GV tiểu học	TCCN			15,114	2/12	2.06			15/03/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2.06			15/03/2015
118	Nguyễn Thị Diễm	15/11/1991	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	1/12	1.86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1.86			01/01/2015

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
	Trường TH Trà Khê																		
	Hạng II																		
119	Võ Phúc Huy	108/10/1974	Hiệu trưởng	ĐHSP	B	A	15a.203	3/9	3,00			01/01/2013	GVTH hạng II	V.07.03.07	3/9	3,00			01/01/2013
120	Nguyễn Công Dư	20/12/1975	GVTH cao cấp	ĐHSP	A	A	15a.203	3/9	3,00			01/01/2013	GVTH hạng II	V.07.03.07	3/9	3,00			01/01/2013
121	Lê Thanh Hậu	16/10/1978	GVTH cao cấp	ĐHSP	A	A	15a.203	3/9	3,00			01/01/2013	GVTH hạng II	V.07.03.07	3/9	3,00			01/01/2013
122	Võ Thị Thanh	20/2/1974	GVTH cao cấp	ĐHSP			15a.203	3/9	3,00			01/12/2014	GVTH hạng II	V.07.03.07	3/9	3,00			01/12/2014
123	Đỗ Thị Cẩm Nhung	20/8/1984	GVTH cao cấp	ĐHSP		A	15a.203	3/9	2,67			01/12/2014	GVTH hạng II	V.07.03.07	2/9	2,67			01/12/2014
	Hạng III																		
124	Nguyễn Tấn Hoàng	18/6/1979	GVTH chính	CĐSP	A	A	15a.204	4/10	3,03			01/02/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3,03			01/02/2014
125	Nguyễn Thị Xuân Trang	02/08/1980	GVTH chính	CĐSP	A	A	15a.204	5/10	3,34			01/10/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	5/10	3,34			01/10/2013
126	Trương Quang Huân	20/10/1989	GVTH chính	CĐSP	A	A	15a.204	1/10	2,10			01/07/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2,10			01/07/2015
	Hạng IV																		
127	Hà Văn Tùng	14/5/1978	GV tiểu học	TCCN	A	A	15,114	4/12	2,46			05/11/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	4/12	2,46			05/11/2014
128	Hồ Thị Tâm	13/06/1986	GV tiểu học	TCCN			15,114	2/12	2,06			15/03/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			15/03/2015
129	Phạm Thị Lệ Huyền	02/07/1989	GV tiểu học	TCCN		A	15,114	3/12	2,26			01/10/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2,26			01/10/2014
130	Nguyễn Thị Minh Tâm	01/07/1982	GV tiểu học	TCCN			15,114	4/12	2,46			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	4/12	2,46			01/01/2015
131	Trần Thị Minh Thiết	28/2/1992	GV tiểu học	TCCN	A		15,114	1/12	1,86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1,86			01/01/2015
132	Võ Thị Ánh Tuyết	11/08/1990	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	2/12	2,06			15/03/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			15/03/2015
133	Phạm Thị Thu Ba	18/8/1993	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	1/12	1,86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1,86			01/01/2015
134	Cao Thị Mỹ Hạnh	09/02/1978	GV tiểu học	TCCN	B	A	15,114	6/12	2,86			01/01/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	6/12	2,86			01/01/2014
135	Nguyễn Thị Trà Duyên	12/03/1983	GV tiểu học	TCCN	A	B	15,114	2/12	2,06			15/03/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			15/03/2015
	Trường TH số 2 Trà Phong																		
	Hạng III																		
136	Đỗ Thị Bình	18/08/1968	Hiệu trưởng	CĐSP			15a.204	8/10	4.27			01/04/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	8/10	4.27			01/04/2014
137	Đặng Công Nông	20/10/1972	GVTH chính	CĐSP			15a.204	6/10	3.65			01/09/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	6/10	3.65			01/09/2013
138	Nguyễn Thị Thu Đông	10/10/1978	GVTH chính	CĐSP			15a.204	4/10	3.03			01/01/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3.03			01/01/2013
	Hạng IV																		
139	Nguyễn Văn Bình	08/04/1982	Phó HT	TCCN			15,114	3/12	2.26			01/10/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2.26			01/10/2014

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
140	Đoàn Thị Thùy Linh	22/05/1989	GV tiểu học	TCCN			15,114	3/12	2.26			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2.26			01/04/2015
141	Nguyễn Thị Khánh	03/02/1991	GV tiểu học	TCCN			15,114	1/12	1.86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1.86			01/01/2015
142	Phạm Thị Tuyết Nhung	04/03/1992	GV tiểu học	TCCN			15,114	1/12	1.86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1.86			01/01/2015
143	Huỳnh Thị Thanh	11/11/1993	GV tiểu học	TCCN			15,114	1/12	1.86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1.86			01/01/2015
144	Phạm Văn Bây	09/05/1992	GV tiểu học	TCCN			15,114	2/12	2.06			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2.06			01/04/2015
145	Võ Thị Linh	18/12/1993	GV tiểu học	TCCN			15,114	1/12	1.86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1.86			01/01/2015
146	Thới Thị Mỹ Kiều	28/06/1990	GV tiểu học	TCCN			15,114	2/12	2.06			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2.06			01/04/2015
147	Đinh Thị Hoa	08/06/1988	GV tiểu học	TCCN			15,114	2/12	2.06			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2.06			01/04/2015
148	Nguyễn Thị Kim Ly	10/03/1989	GV tiểu học	TCCN			15,114	3/12	2.26			01/06/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2.26			01/06/2015
	Trường PTDT bán trú TH&THCS Trà Lãnh																		
	Hạng II																		
149	Lê Văn Tư	20/4/1967	Hiệu trưởng	ĐHSP		A	15a.203	7/9	4,32			01/04/2013	GVTH hạng II	V.07.03.07	7/9	4,32			01/04/2013
150	Đỗ Minh Định	25/7/1979	Phó HT	ĐHTH		A	15a.203	3/9	3,0			01/01/2013	GVTH hạng II	V.07.03.07	3/9	3,0			01/01/2013
151	Lê Thị Kim Huê	17/4/1975	GVTH cao cấp	ĐHTH		B	15a.203	3/9	3,0			01/11/2013	GVTH hạng II	V.07.03.07	3/9	3,0			01/11/2013
152	Đinh Tấn Bảo Trân	28/7/1979	GVTH cao cấp	ĐHTH		A	15a.203	3/9	3,0			01/01/2013	GVTH hạng II	V.07.03.07	3/9	3,0			01/01/2013
153	Lâm Kỳ Sơn	01/01/1974	GVTH cao cấp	ĐHTH		A	15a.203	3/9	3,0			01/12/2014	GVTH hạng II	V.07.03.07	3/9	3,0			01/12/2014
	Hạng III																		00/01/1900
154	Trần Hoàng Phủ	07/06/1967	GVTH chính	CĐTH		A	15a.204	7/10	3,96			01/11/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	7/10	3,96			01/11/2015
155	Hồ Văn Thanh	10/10/1960	GVTH chính	CĐTH		B	15a.204	7/10	3,96			01/11/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	7/10	3,96			01/11/2015
156	Nguyễn Thị Kim Ly	05/07/1991	GVTH chính	CĐTH		A	15a.204	1/10	2,10			15/09/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2,10			15/09/2013
157	Huỳnh Thị Thu Thuyền	22/7/1990	GVTH chính	CĐTH	B	B	15a.204	1/10	2,10			01/07/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2,10			01/07/2015
	Hạng IV																		
158	Nguyễn Thị Hiền	10/10/1962	GV tiểu học	THSP		A	15,114	12/12	4,06	8%		01/10/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	12/12	4,06	8%		01/10/2015
159	Phạm Công Chính	05/05/1960	GV tiểu học	THSP		A	15,114	12/12	4,06			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	12/12	4,06			01/01/2015
160	Xăm Hồng Lĩnh	02/04/1978	GV tiểu học	THSP		A	15,114	8/12	3,26			01/10/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	8/12	3,26			01/10/2015
161	Nguyễn Thị Trang	06/04/1976	GV tiểu học	THSP	B	A	15,114	6/12	2,86			01/01/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	6/12	2,86			01/01/2014
162	Nguyễn Thị Lệ Chi	09/11/1988	GV tiểu học	THSP	B	B	15,114	5/12	2,66			01/10/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	5/12	2,66			01/10/2014
163	Phạm Ngọc Sâm	16/8/1986	GV tiểu học	THSP		A	15,114	3/12	2,26			01/04/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2,26			01/04/2014

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
164	Đặng Thị Thương	15/12/1991	GV tiểu học	THSP	B	B	15,114	2/12	2,06			01/05/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			01/05/2014
165	Lê Thị Trung	20/8/1987	GV tiểu học	THSP		B	15,114	3/12	2,26			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2,26			01/04/2015
166	Lê Thị Ngọc Lài	25/2/1986	GV tiểu học	THSP	A	B	15,114	2/12	2,06			01/05/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			01/05/2014
167	Đinh Thị Dương	10/11/1989	GV tiểu học	THSP	B	B	15,114	2/12	2,06			15/03/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2,06			15/03/2015
168	Hồ Thanh Chương	17/11/1983	GV tiểu học	THSP		A	15,114	3/12	2,26			01/04/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	3/12	2,26			01/04/2015
169	Trần Thị Thúy Nga	02/08/1993	GV tiểu học	THSP	A	A	15,114	1/12	1,86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1,86			01/01/2015
170	Phạm Thị Thủy	04/03/1992	GV tiểu học	THSP	B	B	15,114	1/12	1,86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1,86			01/01/2015
171	Huỳnh Thị Ngọc Ly	02/01/1993	GV tiểu học	THSP	A	B	15,114	1/12	1,86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1,86			01/01/2015
172	Đinh Thị Thươn	23/7/1984	GV tiểu học	THSP		B	15,114	1/12	1,86			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1,86			01/01/2015
	Trường TH&THCS Trà Trung																		
	Hạng III																		
173	Nguyễn Thị Đào	04/04/1972	Phó HT	CĐSP			15a.204	4/10	3.03			01/02/2014	GVTH hạng III	V.07.03.08	4/10	3.03			01/02/2014
174	Đinh Thị Bích Hiên	19/02/1986	GVTH chính	CĐSP	B	B	15a.204	1/10	2.1			01/07/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2.1			01/07/2015
175	Phạm T.Kiêm Yến	28/04/1992	GVTH chính	CĐSP	B		15a.204	1/10	2.1			01/07/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2.1			01/07/2015
176	Nguyễn Thị Tâm	20/07/1991	GVTH chính	CĐSP	A		15a.204	1/10	2.1			01/07/2015	GVTH hạng III	V.07.03.08	1/10	2.1			01/07/2015
177	Nguyễn Tấn Anh	12/12/1978	GVTH chính	CĐSP		A	15a.204	3/10	3.03			01/01/2013	GVTH hạng III	V.07.03.08	3/10	3.03			01/01/2013
	Hạng IV																		
178	Nguyễn Thị Nga	31/12/1970	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	7/12	3.06			01/01/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	7/12	3.06			01/01/2015
179	Hồ Văn Lương	19/05/1964	GV tiểu học	TCCN			15,114	6/12	2.86			01/01/2014	GVTH hạng IV	V.07.03.09	6/12	2.86			01/01/2014
180	Nguyễn Thị Hoàng Liên	29/03/1991	GV tiểu học	TCCN			15,114	2/12	2.06			15/03/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	2/12	2.06			15/03/2015
181	Phạm Ly Na	20/10/1989	GV tiểu học	TCCN	B	B	15,114	1/12	1.86			01/07/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	1/12	1.86			01/07/2015
182	Hồ Thị Kim Siêng	12/06/1968	GV tiểu học	TCCN			15,114	9/12	3.46			01/06/2015	GVTH hạng IV	V.07.03.09	9/12	3.46			01/06/2015
	Phòng Giáo dục và Đào tạo																		
	GV TH hạng II																		
183	Huỳnh Văn Thanh	13/03/1983	GVTH cao cấp	ĐHSP	B	B	15a.203	3/9	3.00			01/05/2014	GV TH hạng II	V. 07.03.07	3/9	3.00			01/05/2014
III	**CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ**																		
	Trường THCS Trương Ngọc Khang																		
	Hạng III																		

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
1	Trần Quang Vinh	24/11/1975	Hiệu trưởng	CĐSP	B	B	15a.202	6/10	3.65			01/09/2014	GV THCS hạng III	V. 07.04.12	6/10	3.65			01/09/2014
2	Nguyễn Thị Trầm	10/10/1985	GV THCS	CĐSP	B	B	15a.202	3/10	2.72			01/12/2014	GV THCS hạng III	V. 07.04.12	3/10	2.72			01/12/2014
3	Hồ Thị Linh	26/11/1984	Phó HT	CĐSP			15a.202	3/10	2.72			01/06/2014	GV THCS hạng III	V. 07.04.12	3/10	2.72			01/06/2014
4	Hồ Thị Chi	12/01/1982	GV THCS	CĐSP			15a.202	3/10	2.72			01/04/2015	GV THCS hạng III	V. 07.04.12	3/10	2.72			01/04/2015
5	Lương Thị Trịnh Trâm	12/12/1988	GV THCS	CĐSP	B	B	15a.202	2/10	2.41			01/11/2013	GV THCS hạng III	V. 07.04.12	2/10	2.41			01/11/2013
6	Nguyễn Thị Thương	01/8/1988	GV THCS	CĐSP			15a.202	2/10	2.41			01/10/2014	GV THCS hạng III	V. 07.04.12	2/10	2.41			01/10/2014
7	Lê Đức Thường	14/12/1987	GV THCS	CĐSP			15a.202	2/10	2.41			01/10/2014	GV THCS hạng III	V. 07.04.12	2/10	2.41			01/10/2014
8	Nguyễn Thị Thuỳ	08/6/1989	GV THCS	CĐSP	B	A	15a.202	2/10	2.41			01/10/2015	GV THCS hạng III	V. 07.04.12	2/10	2.41			01/10/2015
9	Trịnh Hàn Thao	08/9/1989	GV THCS	CĐSP			15a.202	2/10	2.41			01/10/2015	GV THCS hạng III	V. 07.04.12	2/10	2.41			01/10/2015
10	Lê Thị Tuyết	09/02/1980	GV THCS	CĐSP			15a.202	2/10	2.41			01/02/2015	GV THCS hạng III	V. 07.04.12	2/10	2.41			01/02/2015
11	Phạm Hữu Hoanh	24/06/1989	GV THCS	CĐSP	B	B	15a.202	1/10	2.10			01/05/2013	GV THCS hạng III	V. 07.04.12	1/10	2.10			01/05/2013
12	Phạm Thùy Dung	26/11/1991	GV THCS	CĐSP			15a.202	1/10	2.10			01/07/2014	GV THCS hạng III	V. 07.04.12	1/10	2.10			01/07/2014
13	Đinh Thị Lan	22/9/1980	GV THCS	CĐSP	B	B	15a.202	2/10	2.41			01/10/2013	GV THCS hạng III	V. 07.04.12	2/10	2.41			01/01/2013
	Trường PTDT bán trú THCS Trà Xinh																		
	Hạng II																		
14	Nguyễn Quang Viên	04/12/1984	Phó HT	ĐHSP	B	A	15a.201	2/9	2.67			01/01/2013	GVTHCS Hạng II	V.07.04.11	2/9	2.67			01/01/2013
15	Đỗ Thị An	13/03/1978	GV THCS chính	ĐHSP	A	A	15a.201	5/9	3.66			01/03/2013	GVTHCS Hạng II	V.07.04.11	5/9	3.66			01/03/2013
16	Nguyễn Thị Thu Thảo	02/03/1987	GV THCS chính	ĐHSP		B	15a.201	2/9	2.67			01/03/2015	GVTHCS Hạng II	V.07.04.11	2/9	2.67			01/03/2015
17	Trương Quang Bình	15/05/1985	GV THCS chính	ĐHSP			15a.201	1/9	2.34			15/09/2013	GVTHCS Hạng II	V.07.04.11	1/9	2.34			15/09/2013
	Hạng III																		
18	Trương Quang Thọ	15/08/1969	Hiệu trưởng	CĐSP		A	15a.202	6/10	3.65			01/10/2014	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	6/10	3.65			01/10/2014
19	Bùi Thanh Hạnh	12/04/1988	Phó HT	CĐSP	B	B	15a.202	2/10	2.41			01/04/2014	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/04/2014
20	Nguyễn Thị Lý	02/02/1982	GV THCS	CĐSP		B	15a.202	4/10	3.03			01/12/2014	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	4/10	3.03			01/12/2014
21	Nguyễn Văn Huy	03/02/1980	GV THCS	CĐSP		B	15a.202	2/10	2.41			01/04/2013	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/04/2013
22	Nguyễn Thị Sương	15/06/1985	GV THCS	ĐHSP		A	15a.202	2/10	2.41			01/04/2014	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/04/2014
23	Nguyễn Thị Nguyệt	16/09/1987	GV THCS	CĐSP	B	B	15a.202	1/10	2.10			01/01/2013	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	1/10	2.10			01/01/2013
24	Nguyễn Thanh Tùng	07/04/1989	GV THCS	CĐSP	B	B	15a.202	1/10	2.10			01/05/2013	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	1/10	2.10			01/05/2013
25	Đào Thị Sinh	11/12/1991	GV THCS	CĐSP	B		15a.202	1/10	2.10			15/09/2013	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	1/10	2.10			15/09/2013

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
26	Lê Thị Ánh Tuyết	15/05/1981	GV THCS	CĐSP	B	B	15a.202	1/10	2.10			01/01/2013	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	1/10	2.10			01/01/2013
	Trường PTDT bán trú THCS Trà Thọ																		
	Hạng II																		
27	Nguyễn Văn Nam	02/03/1981	GV THCS chính	ĐHSP	A	KTV	15a.201	3/9	3.00			01/12/2014	GVTHCS Hạng II	V.07.04.11	3/9	3.00			01/12/2014
28	Phạm Tô Ninh	18/08/1981	GV THCS chính	ĐHSP		A	15a.201	3/9	3.00			01/12/2014	GVTHCS Hạng II	V.07.04.11	3/9	3.00			01/12/2014
	Hạng III																		
29	Phan Tấn Thanh	03/02/1980	Hiệu trưởng	ĐHSP	B	B	15a.202	5/10	3.34			01/12/2013	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	5/10	3.34			01/12/2013
30	Nguyễn Hữu Vĩnh	22/03/1979	Phó HT	ĐHSP	B	B	15a.202	4/10	3.03			01/12/2014	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	4/10	3.03			01/12/2014
31	Vũ Nhật Tuấn	27/11/1981	Phó HT	ĐHSP	B	B	15a.202	2/10	2.41			01/04/2013	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/04/2013
32	Phạm Thị Kim Lưu	15/04/1977	GV THCS	ĐHSP	B	B	15a.202	3/10	2.72			01/08/2013	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	3/10	2.72			01/08/2013
33	Phạm Phú Hiệp	30/09/1985	GV THCS	ĐHSP	B	B	15a.202	3/10	2.72			01/12/2014	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	3/10	2.72			01/12/2014
34	Hồ Thị Loan	24/04/1983	GV THCS	ĐHSP	B	B	15a.202	3/10	2.72			01/06/2015	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	3/10	2.72			01/06/2015
35	Võ Minh Diệp	04/08/1985	GV THCS	CĐSP			15a.202	2/10	2.41			01/04/2014	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/04/2014
36	Võ Thị Thủy	20/04/1987	GV THCS	CĐSP		VP	15a.202	1/10	2.1			01/10/2013	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/10/2013
37	Nguyễn Thị Kim Hoa	08/01/1987	GV THCS	CĐSP	B	B	15a.202	1/10	2.1			01/07/2015	GVTHCS Hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/07/2015
	Trường PTDT bán trú THCS Trà Nham																		
	Hạng II																		
38	Bạch Văn Giáp	10/09/1978	GV THCS chính	ĐHSP			15a.201	2/9	2.67			01/04/2013	GV THCS hạng II	V.07.04.11	2/9	2.67			01/04/2013
	Hạng III																		
39	Lê Minh Cảnh	20/05/1974	Hiệu trưởng	CĐSP	B	B	15a.202	4/10	3.03			01/12/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	4/10	3.03			01/12/2014
40	Hồ Thị Vân	02/01/1986	Phó HT	CĐSP			15a.202	2/10	2.41			01/01/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/01/2013
41	Nguyễn Quốc Chí	17/06/1983	Phó HT	CĐSP	B	B	15a.202	3/10	2.72			01/05/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	3/10	2.72			01/05/2015
42	Huỳnh Ngọc Tuấn	23/11/1977	GV THCS	CĐSP	B		15a.202	6/10	3.65			01/09/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	6/10	3.65			01/09/2014
43	Huỳnh Thị Ngọc Lan	01/07/1979	GV THCS	CĐSP		A	15a.202	3/10	2.72			01/08/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	3/10	2.72			01/08/2013
44	Huỳnh Thị Sự	12/12/1981	GV THCS	CĐSP			15a.202	2/10	2.41			01/04/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/04/2013
45	Huỳnh Thị Lan	18/12/1991	GV THCS	CĐSP	B	B	15a.202	1/10	2.1			01/10/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/10/2013
46	Võ Thị Huệ	01/5/1987	GV THCS	CĐSP			15a.202	1/10	2.1			01/10/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/10/2013
47	Nguyễn Thị Sang	04/03/1991	GV THCS	CĐSP	B2	B	15a.202	1/10	2.1			01/10/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/10/2013

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
48	Chung Thị Ly Ly	28/11/1989	GV THCS	CĐSP			15a.202	1/10	2.1			01/07/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/07/2015
49	Hồ Thị Phương Lan	05/05/1992	GV THCS	CĐSP			15a.202	1/10	2.1			01/07/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/07/2015
50	Trần Thị Thanh Huệ	20/08/1989	GV THCS	CĐSP			15a.202	1/10	2.1			01/07/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/07/2015
51	Nguyễn Thị Mỹ Linh	19/08/1987	GV THCS	CĐSP			15a.202	2/10	2.41			01/12/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/12/2014
	Trường PTDT bán trú THCS Trà Thanh																		
	Hạng II																		
52	Đặng Thị Nhung	17/07/1979	Hiệu trưởng	ĐHSP	A		15a201	5/9	3,66			01/10/2014	GV THCS hạng II	V.07.04.11	5/9	3,66			01/10/2014
53	Nguyễn Điệp	15/03/1985	Phó HT	ĐHSP		B	15a201	3/9	3,00			01/06/2014	GV THCS hạng II	V.07.04.11	3/9	3,00			01/06/2014
54	Trần Văn Thức	01/08/1986	GV THCS chính	ĐHSP		UD	15a201	1/9	2,34			01/10/2013	GV THCS hạng II	V.07.04.11	1/9	2,34			01/10/2013
	Hạng III																		
55	Nguyễn Tấn Tài	06/04/1983	Phó HT	CĐSP	B	B	15a202	4/10	3,03			01/06/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	4/10	3,03			01/06/2014
56	Phạm Trung Việt	22/08/1985	GV THCS	CĐSP		A	15a202	3/10	2,72			01/11/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	3/10	2,72			01/11/2013
57	Trần Đình Tài	04/03/1982	GV THCS	CĐSP	B	B	15a202	1/10	2,41			01/04/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2,41			01/04/2014
58	Nguyễn Đặng Thành Võ	05/04/1986	GV THCS	CĐSP	B	UD	15a202	1/10	2,41			01/10/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2,41			01/10/2013
59	Trần Thị Thanh Hải	12/04/1985	GV THCS	CĐSP			15a202	3/10	2,72			05/11/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	3/10	2,72			05/11/2015
60	Trần Thị Thu Thủy	18/11/1986	GV THCS	CĐSP	B	VP	15a202	1/10	2,41			01/12/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2,41			01/12/2014
61	Nguyễn Thị Ánh Giang	12/03/1990	GV THCS	CĐSP		A	15a202	1/10	2,1			01/07/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2,1			01/07/2015
62	Lê Thị Phương Nam	20/06/1987	GV THCS	CĐSP	B	UD	15a202	1/10	2,1			10/05/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2,1			10/05/2013
63	Phạm Thị Hiếu	07/01/1990	GV THCS	CĐSP	B	B	15a202	1/10	2,1			01/10/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2,1			01/10/2013
64	Nguyễn Hồng Lâm	14/11/1984	GV THCS	CĐSP	B	UD	15a202	1/10	2,1			01/10/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2,1			01/10/2013
65	Lê Thị Sen	10/02/1988	GV THCS	CĐSP		B	15a202	1/10	2,1			01/10/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2,1			01/10/2013
66	Huỳnh Tú Mỹ	13/07/1988	GV THCS	CĐSP	B	UD	15a202	1/10	2,1			01/10/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2,1			01/10/2013
	Trường THCS Trà Quân																		
	Hạng II																		
67	Nguyễn Minh Nhực	26/04/1985	GV THCS chính	ĐHSP	B	A	15a.201	1/9	2.34			15/09/2013	GV THCS hạng II	V.07.04.11	1/9	2.34			15/09/2013
	Hạng III																		
68	Trần Khánh Dưỡng	25/05/1981	Hiệu trưởng	CĐSP		A	15a.202	4/10	3.03			01/12/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	4/10	3.03			01/12/2014
69	Phạm Văn Tài	18/02/1978	Phó HT	CĐSP	C	A	15a.202	4/10	3.03			01/12/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	4/10	3.03			01/12/2014

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
70	Dương Quang Trà	04/01/1975	GV THCS	CĐSP	B	A	15a.202	6/10	3.65			01/09/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	6/10	3.65			01/09/2014
71	Lê Trung Đình	20/12/1969	GV THCS	CĐSP		A	15a.202	5/10	3.34			01/092013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	5/10	3.34			01/092013
72	Đồng Trinh Điệp	06/01/1986	GV THCS	CĐSP		A	15a.202	2/10	2.41			01/10/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/10/2014
73	Võ Trọng Phiên	26/11/1983	GV THCS	CĐSP	B	A	15a.202	2/10	2.41			01/10/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/10/2014
74	Phạm Thị Lệ	22/04/1986	GV THCS	CĐSP		A	15a.202	2/10	2.41			01/11/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/11/2015
75	Nguyễn Thị Nhã Phương	17/03/1988	GV THCS	CĐSP	C	A	15a.202	1/10	2.10			15/09/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.10			15/09/2013
76	Đinh Thị Thu Mão	25/09/1991	GV THCS	CĐSP	B		15a.202	1/10	2.10			15/09/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.10			15/09/2013
77	Nguyễn Thị Diễn	18/03/1991	GV THCS	CĐSP			15a.202	1/10	2.10			01/07/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.10			01/07/2015
	Trường PTDT bán trú THCS Trà Khê																		
	Hạng III																		
78	Nguyễn Đỗ Khanh	31/12/1979	Hiệu trưởng	CĐSP		A	15a.202	4/10	3.03			01/12/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	4/10	3.03			01/12/2014
79	Bùi Duy Tân	23/05/1982	Phó HT	CĐSP	B	A	15a.202	3/10	2.72			01/05/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	3/10	2.72			01/05/2014
80	Bạch Văn Thành	09/06/1981	GV THCS	CĐSP		A	15a.202	4/10	3.03			01/12/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	4/10	3.03			01/12/2014
81	Huỳnh Thị Tường Vi	09/01/1984	GV THCS	CĐSP	B	A	15a.202	2/10	2.41			01/12/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/12/2014
82	Trần Thị Quỳnh Như	10/01/1990	GV THCS	CĐSP	B	B	15a.202	1/10	2.1			15/09/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			15/09/2013
83	Phạm Thị Hoa	23/7/1991	GV THCS	CĐSP		A	15a.202	1/10	2.1			15/09/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			15/09/2013
84	Lý Thị Hoàng Oanh	18/6/1987	GV THCS	CĐSP		A	15a.202	1/10	2.1			15/09/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			15/09/2013
85	Tạ Thị Hoàng Nhựt	22/6/1992	GV THCS	CĐSP		A	15a.202	1/10	2.1			01/07/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/07/2015
86	Đinh Thị Như Hải	12/10/1991	GV THCS	CĐSP		A	15a.202	1/10	2.1			01/07/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/07/2015
87	Đinh T Minh Thảo	11/04/1991	GV THCS	CĐSP		A	15a.202	1/10	2.1			01/07/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/07/2015
88	Văn Thị Hương	29/01/1992	GV THCS	CĐSP		A	15a.202	1/10	2.1			01/07/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/07/2015
	Trường THCS Trà Phong																		
	Hạng III																		
89	Vũ Tiến Lâm	06/07/1982	Hiệu trưởng	CĐSP			15a.202	5/10	3.34			01/10/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	5/10	3.34			01/10/2015
90	Hồ Xuân Bằng	22/02/1984	Phó HT	CĐSP		B	15a.202	3/10	2.72			01/12/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	3/10	2.72			01/12/2014
91	Võ Chí Linh	30/07/1979	GV THCS	CĐSP	B	B	15a.202	5/10	3.34			01/01/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	5/10	3.34			01/01/2015
92	Nguyễn Thanh Sang	20/02/1980	GV THCS	CĐSP	B		15a.202	3/10	2.72			01/05/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	3/10	2.72			01/05/2014
93	Trần Thị Hà	24/05/1983	GV THCS	CĐSP		B	15a.202	3/10	2.72			01/04/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	3/10	2.72			01/04/2015

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp					
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
94	Phạm Ngọc Duy	20/04/1982	GV THCS	CĐSP	B	B	15a.202	2/10	2.41			01/04/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/04/2014
95	Lê Thị Thùy Dung	10/04/1991	GV THCS	CĐSP			15a.202	1/10	2.1			01/10/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/10/2013
96	Nguyễn Thị Hiền Ny	01/12/1989	GV THCS	CĐSP	B	B	15a.202	1/10	2.1			01/11/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/11/2013
	Trường PTDT bán trú TH&THCS Trà Lãnh																		
	Hạng II																		
97	Đinh Thị Mỹ Anh	01/01/1983	GV THCS chính	ĐHSP	A	A	15a.201	4/9	3,33			01/12/2014	GV THCS hạng II	V.07.04.11	4/9	3,33			01/12/2014
98	Lâm Văn Công	18/05/1981	GV THCS chính	ĐHSP	B	A	15a.201	2/9	2,67			01/04/2014	GV THCS hạng II	V.07.04.11	2/9	2,67			01/04/2014
99	Đỗ Thị Khánh Ly	23/01/1987	GV THCS chính	ĐHSP		B	15a.201	2/9	2,67			15/09/2015	GV THCS hạng II	V.07.04.11	2/9	2,67			15/09/2015
	Hạng III																		
100	Nguyễn Duy Duật	04/10/1983	Phó HT	CĐSP	B	B	15a202	3/10	2,72			01/11/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	3/10	2,72			01/11/2015
101	Lê Quốc Đại	20/10/1983	GV THCS	CĐSP		A	15a202	2/10	2,41			01/04/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2,41			01/04/2013
102	Trần Thị Như Hiền	09/09/1984	GV THCS	CĐSP	B	A	15a202	3/10	2,72			01/11/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	3/10	2,72			01/11/2015
103	Nguyễn Văn Vinh	02/03/1982	GV THCS	CĐSP		B	15a202	2/10	2,41			01/04/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2,41			01/04/2013
104	Trương Thị Quỳnh Giang	20/07/1983	GV THCS	CĐSP	B	A	15a202	3/10	2,72			01/11/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	3/10	2,72			01/11/2014
105	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/10/1989	GV THCS	CĐSP	B	B	15a202	2/10	2,41			01/10/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2,41			01/10/2014
	Trường TH&THCS Trà Trung																		
	Hạng II																		
106	Võ Đình Mỹ	19/05/1983	GV THCS chính	ĐH	Anh B	B	15a.201	4/9	3.33			01/12/2014	GV THCS hạng II	V.07.04.11	4/9	3.33			01/12/2014
107	Nguyễn Văn Hoàng	02/04/1983	GV THCS chính	ĐH	Anh B	B	15a.201	2/9	2.67			01/04/2013	GV THCS hạng II	V.07.04.11	2/9	2.67			01/04/2013
	Hạng III																		
108	Nguyễn Công	06/05/1980	Hiệu trưởng	CĐ			15a.202	3/10	2.72			01/11/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	3/10	2.72			01/11/2014
109	Đặng Thị Kim Ến	01/02/1984	Phó HT	CĐ	Anh B	B	15a.202	3/10	2.72			01/11/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	3/10	2.72			01/11/2013
110	Võ Thị Thanh Hiếu	20/01/1978	GV THCS	CĐ		B	15a.202	4/10	3.03			01/12/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	4/10	3.03			01/12/2014
111	Nguyễn Thị Quý	06/07/1981	GV THCS	CĐ		A	15a.202	2/10	2.41			01/04/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/04/2013
112	Trần Thị Thúy Phượng	25/03/1988	GV THCS	CĐ		B	15a.202	2/10	2.41			01/04/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/04/2014
113	Trương Thị Thanh Thảo	08/07/1983	GV THCS	CĐ	Anh B		15a.202	2/10	2.41			01/04/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	2/10	2.41			01/04/2013
114	Huỳnh Văn Kỳ	25/08/1989	GV THCS	CĐ	Anh B		15a.202	1/10	2.1			01/10/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/10/2013
115	Nguyễn Thị Ngọc Kiều	06/06/1985	GV THCS	CĐ	Anh B	B	15a.202	1/10	2.1			15/03/2014	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			15/03/2014

Số TT	Đơn vị/ Họ và tên	ngày tháng năm sinh	chức vụ/ vị trí việc làm	trình độ chuyên môn	Trình độ ngoại ngữ	Trình độ tin học	Ngạch, lương hiện hưởng						Chức danh nghề nghiệp, lương được chuyển xếp						
							Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số lương	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc lương	Hệ số	%PC TN VK (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Thời gian nâng lương lần sau
116	Nguyễn Thị Tuyết Anh	24/04/1991	GV THCS	CĐ	Anh C	B	15a.202	1/10	2.1			01/10/2013	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/10/2013
117	Nguyễn Thị Thư	10/12/1991	GV THCS	CĐ	Anh B	B	15a.202	1/10	2.1			01/07/2015	GV THCS hạng III	V.07.04.12	1/10	2.1			01/07/2015
	Phòng Giáo dục và Đào tạo																		
	GV THCS hạng II																		
118	Phạm Sơn	01/01/1968	GV THCS chính	ĐHSP	B	B	15a.201	7/9	4.32			01/07/2013	GV THCS hạng II	V. 07.04.11	7/9	4.32			01/07/2013
119	Võ Đình Tú	10/01/1971	GV THCS chính	ĐHSP	B	B	15a.201	7/9	4.32			01/11/2014	GV THCS hạng II	V. 07.04.11	7/9	4.32			01/11/2014
120	Phạm Hồng Sơn	10/08/1966	GV THCS chính	ĐHSP	B	B	15a.201	9/9	4.98			01/02/2014	GV THCS hạng II	V. 07.04.11	9/9	4.98			01/02/2014
121	Nguyễn Đình Phước	04/08/1962	GV THCS chính	ĐHSP	B	B	15a.201	8/9	4.65			01/10/2013	GV THCS hạng II	V. 07.04.11	8/9	4.65			01/10/2013
122	Lê Hoàng Phương	25/07/1974	GV THCS chính	ĐHSP	B	B	15a.201	7/9	4.32			01/11/2014	GV THCS hạng II	V. 07.04.11	7/9	4.32			01/11/2014
	GV THCS hạng III																		
123	Nguyễn Hữu Duy	14/08/1980	Phó TP	CĐSP	B	B	15a.202	5/10	3.34			01/06/2014	GV THCS hạng III	V. 07.04.12	5/10	3.34			01/06/2014

Danh sách có 404 viên chức, trong đó:

* GV Mầm non 98 người;
* GV Tiểu học 183 người;
* GV Trung học cơ sở 123 người.